

Bản án số: 154/2022/HS-ST
Ngày 08/11/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Trúc Ly;
2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 149/2022/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 964/2022/QĐXXST-HS ngày 27/10/2022 đối với bị cáo:

Lê Văn V (Tên gọi khác: Năm Cầu Mông), sinh ngày 16/8/1972 tại Tp. Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 33/4 T, Phường S, quận T, Tp. Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 145/9 HT44 KP3, phường H, MH, Tp. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: **01/12**; Con ông Lê C (đã chết) và bà Lý Thị P5 (đã chết); Gia đình bị cáo không có anh, chị, em; Vợ là bà Trần Nguyễn Thị Tâm A (sinh năm 1972); Bị cáo có 01 người con tên Nguyễn Thị Bích T8 (sinh năm 2001).

Tiền án:

Ngày 21/9/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 174/2011/HSST. Đến ngày 12/02/2014, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương (chưa xóa án tích do chưa chấp hành xong hình phạt tiền bổ sung).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 17/3/1986, bị Công an Quận 1 bắt về hành vi “Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân” bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định cưỡng bức lao động 24 tháng (Quyết định số 1136/QĐUB ngày 25/6/1986).

Ngày 28/6/1988, bị Công an Quận 8 bắt về hành vi “**Cướp giật tài sản**”.

Ngày 07/01/1991, bị Công an Quận 1 bắt đưa đi cưỡng bức lao động 12 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”.

Ngày 26/12/1994, bị Công an Quận 1 bắt đưa đi cưỡng bức lao động 12 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”.

Ngày 15/8/1997, bị Công an Quận 1 bắt về hành vi “Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân” sau đó được cảnh cáo tha.

Ngày 27/02/2011, bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 62/QĐ/UB-NC đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng. Đến ngày 27/11/2002 chấp hành xong quyết định về địa phương.

Ngày 10/3/2006, bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 67/2006/HSST. Ngày 10/11/2006, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương (đã xóa án tích).

Ngày 07/11/2008, bị Tòa án nhân dân MH xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 222/2008/HSST. Ngày 04/4/2010, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương (đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 01/7/2022. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Liên danh S (Vắng mặt).

Địa chỉ: 01C N, phường BN, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 37 Đ, phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng*: Ông Cao Sơn C3, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 241/9/1 BĐ, Phường H, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên vào khoảng 02 giờ 50 phút ngày 26/6/2022, Lê Văn V đi đến lối đi bộ số 3, ga Nhà hát Thành phố (đối diện số 35 Lê Lợi, phường BN, Quận M) tìm tài sản trộm cắp thì phát hiện thấy 01 giàn giáo di động tự nâng (model SHO-36/US-36, kích thước 1500×590×920 mm) của Liên danh S (Sau đây gọi là Liên danh S) không người trông coi nên V đi đến dùng hai tay lấy trộm, đẩy đi đến khu vực công viên 23/9 (mặt đường Lê Lai, Quận 1) để cắt, rồi dùng gạch (nhặt ở ven đường) đập các mối nối để tháo rời thành nhiều phần, rồi đem đến số 37 Đ, phường C, Quận M bán cho bà Nguyễn Thị Tuyết L theo dạng phế liệu được 184 kg, trị giá 1.560.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện sự việc trên, anh Hồ Lê Phước T8 đại diện Liên danh S đã đến Công an phường BN, Quận M trình báo vụ việc.

Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 1 đã bắt giữ được Lê Văn V đưa về trụ sở Công an phường BN lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 xử lý.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 182/KL-HĐĐGTS ngày 01/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 1, kết luận 01 giàn giáo di động tự nâng, model SHO-36/US-36, kích thước 1500×590×920 (mm) trị giá: 61.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Văn V khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của Vũ phù hợp với lời khai bị hại, biên bản đối chất, hình ảnh camera, kết quả thực nghiệm điều tra và những tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 thu thập được.

Đối với bà Nguyễn Thị Tuyết L khai nhận không biết tài sản V bán là tài sản do phạm tội mà có. Lời khai của bà L phù hợp với lời khai của V nên Cơ quan điều tra không xử lý bà L là có cơ sở.

* Vật chứng vụ án gồm có:

- 01 giàn giáo di động tự nâng, model SHO-36/US-36, kích thước 1500×590×920 mm (không thu hồi được).

- 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh vụ việc (lưu trong hồ sơ).

* Về trách nhiệm dân sự:

- Liên danh S yêu cầu bồi thường trị giá tài sản bị thiệt hại là 86.400.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 150/CT-VKS-Q1 ngày 17/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Văn V tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa kết luận bị cáo Lê Văn V đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Vũ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 86.400.000 đồng cho Liên danh S.

Đối với vật chứng của vụ án: 01 giàn giáo di động tự nâng, model SHO-36/US-36, kích thước 1500×590×920 mm không thu hồi được, 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh vụ việc đề nghị tiếp tục lưu trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định vào khoảng 02 giờ 50 phút ngày 26/6/2022 tại lối đi bộ số 3, ga Nhà hát Thành phố (đối diện số 35 Lê Lợi, phường BN, Quận M), Lê Văn V có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 giàn giáo di động tự nâng, model SHO-36/US-36, kích thước 1500×590×920 mm trị giá 61.200.000 đồng của Liên danh S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi mua lại 184 kg phế liệu từ bị cáo V của bà Nguyễn Thị Tuyết L, xét thấy bà L không biết tài sản V bán là tài sản do phạm tội mà có. Lời khai của bà L phù hợp với lời khai của V nên Cơ quan điều tra không xử lý bà L là có cơ sở.

[3]. Hành vi của bị cáo là cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân nên vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo có nhân thân xấu, từng có nhiều tiền án tiền sự; sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo không tự rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe đối với bản thân bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, nhận thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 174/2011/HSST. Đến ngày 12/02/2014, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương (chưa xóa án tích do chưa chấp hành xong hình phạt tiền bổ sung) do đó bị áp dụng tình tiết tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- 01 giàn giáo di động tự nâng, model SHO-36/US-36, kích thước 1500×590×920 mm không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét,
- 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh vụ việc cần tiếp tục lưu trong hồ sơ.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Liên danh S yêu cầu bồi thường trị giá tài sản bị thiệt hại do không thu hồi được tương đương với số tiền 86.400.000 đồng là chi phí mà bị hại phải đền bù do thiết bị này được Công ty Nishio nhập khẩu từ nước ngoài và không có đơn vị nào khác bán hay cung cấp tại Việt Nam. Tại phiên tòa, bị cáo

Vũ đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền nêu trên. Xét yêu cầu trên của bị hại là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo chịu theo quy định.

[9]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt Lê Văn V 03 (Ba) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 01/7/2022.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tiếp tục lưu trong hồ sơ 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh vụ việc.

- Áp dụng Điều 30; Điều 48 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Văn V phải bồi thường cho Liên danh S Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 86.400.000 đồng (Tám mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Liên danh S Thành phố Hồ Chí Minh có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền trên cho đến khi thi hành án xong, bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 135; 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Văn V phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.320.000 (Bốn triệu, ba trăm hai mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Lê Văn V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./ .

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; người CQLNVLQ;
- Công an TP.HCM (PC 53 - Đ3);
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Thi hành án hình sự Quận 1;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Hiền